

Số: /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước,
xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử
lý nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà
nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng
dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý
hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động
thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm
2025 và thay thế Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát
nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày
05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một
số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND

ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ+CV VP UBND tỉnh;
- TT PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, X5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Quế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Các nội dung liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ về thoát nước và xử lý nước thải được quy định tại Điều 2 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 3 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. *Khu dân cư nông thôn* là nơi cư trú tập trung của các hộ gia đình gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và các hoạt động xã hội khác trong phạm vi một khu vực nhất định ở nông thôn, được hình thành do điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và các yếu tố khác.

3. *Xử lý nước thải phi tập trung* là một trong các giải pháp xử lý nước thải cho các khu vực chưa được kết nối hoặc điều kiện thực tế không cho phép kết nối với hệ thống thoát nước tập trung. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

4. *Mạng lưới thoát nước cấp 1*: Hệ thống cống, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực hoặc vùng.

5. *Mạng lưới thoát nước cấp 2*: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa, đến hệ thống thoát nước cấp 1.

6. *Mạng lưới thoát nước cấp 3*: Bao gồm các cống dọc đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới thoát cấp 1 và cấp 2.

7. *Hố kiểm tra, giếng thăm*: Hố đầu nối ống cống thoát nước tại những vị trí có các nhánh nối, đổi hướng, thay đổi độ dốc, thay đổi tiết diện và trên những đoạn thẳng theo yêu cầu thiết kế, để kiểm tra, theo dõi chế độ nước chảy và bảo dưỡng vệ sinh.

8. *Giếng tách nước thải*: Giếng tách nước thải là hệ thống công trình thực hiện việc đưa nước thải vào đường ống thu gom riêng khi trời không mưa và xả nước mưa vào cống dẫn nước mưa khi có mưa.

Điều 3. Thành phần hệ thống thoát nước

Công trình thuộc hệ thống thoát nước gồm:

1. Hố kiểm tra, giếng thăm, giếng tách nước thải;
2. Trạm bơm nước thải, nước mưa; cống liên quan đến trạm bơm;
3. Hồ điều hòa và kênh mương;
4. Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận;
5. Nhà máy xử lý nước thải, phòng thí nghiệm;
6. Công trình xử lý bùn cặn;
7. Các phai ngăn triều.

Điều 4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn các phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Pleiku, Diên Hồng, Thống Nhất, An Phú, Hội Phú.

Giao Sở Xây dựng thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ sở hữu gồm:

a) Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách;

b) Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải nhận bàn giao lại từ các tổ chức đầu tư, kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp trên địa bàn quản lý;

c) Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn trên địa bàn quản lý.

4. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh được phép sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước và xử lý nước thải do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương II

ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 5. Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

2. Tùy theo đặc điểm, quy mô dự án, khi nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng, cải tạo các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải nhằm giải quyết một cách cơ bản các vấn đề thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, bùn thải của các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải thực hiện:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng để đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và sự sẵn sàng đầu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả giá sử dụng dịch vụ thoát nước của người dân khu vực dự án; đồng thời đề người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau

khi dự án hoàn thành, tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát thực hiện;

b) Lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ: Tiêu chí lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ xử lý nước thải theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; ưu tiên sử dụng công nghệ an toàn, thân thiện với môi trường và phù hợp với đặc điểm điều kiện khí hậu, địa hình, địa chất thủy văn của khu vực và khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận của địa phương;

c) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải thực hiện đồng bộ từ mạng cống cấp 1, 2, 3; đầu nối hệ thoát nước, đến nhà máy xử lý nước thải, cửa xả ra môi trường. Trong trường hợp hạn chế về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư theo lưu vực ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, kể cả công trình xử lý bùn thải cho lưu vực lựa chọn.

Điều 6. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định. Trường hợp khu đô thị mới, khu công nghiệp nằm trên địa bàn từ hai xã trở lên trước khi thực hiện bàn giao phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đơn vị thoát nước phải có nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

3. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước trên địa bàn do mình quản lý theo quy định.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

Các chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là chủ sở hữu hệ thống thoát nước) có các quyền và trách nhiệm sau:

1. Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị có năng lực để quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải.

2. Giám sát và kiểm tra hệ thống thoát nước và các hạng mục của hệ thống này theo định kỳ và đột xuất để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký.

3. Không can thiệp vào các công việc liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và hoạt động tài chính của đơn vị thoát nước, bao gồm cả các vấn đề về quản lý nhân sự, phương pháp vận hành hệ thống và các vấn đề cụ thể khác mà không có sự thông báo trước bằng văn bản và không được sự chấp thuận của đơn vị thoát nước.

4. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, không bán, cho thuê hoặc nhượng quyền quản lý các tài sản cố định đã giao cho đơn vị thoát nước quản lý vận hành khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thoát nước.

5. Trong các trường hợp vi phạm các nội dung đã quy định trong hợp đồng thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải bồi thường thiệt hại do việc vi phạm gây ra đối với đơn vị thoát nước.

6. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 (một) bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, các bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng (nếu có). Trong trường hợp không có các bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước, chủ sở hữu hệ thống thoát nước sẽ tiến hành khảo sát thống kê, xác định vị trí, kích thước cơ bản, đánh giá tình trạng vật chất, đánh giá giá trị còn lại của tài sản. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ chủ sở hữu hệ thống thoát nước thực hiện nhiệm vụ khảo sát thống kê này nhằm lập bản đồ hệ thống thoát nước.

7. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nội dung và giá trị hợp đồng hàng năm của hợp đồng quản lý vận hành; thẩm định và phê duyệt tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước phù hợp với hệ thống thoát nước và các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan.

8. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đầu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước.

9. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo nội dung của hợp đồng.

10. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm phê duyệt đúng thời hạn các kế hoạch đầu tư do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành.

11. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đầu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

- a) Ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với hộ thoát nước và thực hiện các điều khoản theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết;
- b) Trực tiếp thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung;
- c) Được đề nghị với các cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;
- d) Được đề xuất các kế hoạch, quy hoạch, cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải. Được làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, cải tạo, thay thế và mở rộng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trong phạm vi quản lý;
- đ) Được quyền từ chối nhận bàn giao công trình thoát nước và xử lý nước thải nếu chất lượng công trình không đảm bảo theo quy định;
- e) Báo cáo với chủ sở hữu, các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của tổ chức, cá nhân gây ảnh hưởng thiệt hại tới hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;
- g) Giải quyết miễn trừ đầu nổi hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hộ được đầu nổi vào cùng một vị trí đầu nổi và một hố kiểm tra.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- a) Tổ chức lập và trình chủ sở hữu phê duyệt tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước;
- b) Đảm bảo việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải cho các hộ thoát nước cả về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng dịch vụ đã ký;
- c) Quản lý tài sản, hồ sơ tài sản hệ thống thoát nước, xử lý nước thải; thiết lập, lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng và cập nhật cơ sở dữ liệu trong quá trình khai thác sử dụng; quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý;
- d) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước vào môi trường theo thỏa thuận với cơ quan, quản lý môi trường; sửa chữa kịp thời các trục trặc, hư hỏng của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải;
- đ) Bồi thường thiệt hại gây ra cho hộ thoát nước theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;

e) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại có liên quan đến dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, bảo đảm sự hài lòng cao nhất của hộ thoát nước;

g) Bảo vệ an toàn, đảm bảo vận hành hiệu quả, tiết kiệm trong quản lý hệ thống thoát nước, xử lý nước thải theo quy định;

h) Chỉ định rõ vị trí của hố kiểm tra và vị trí đầu nối trong trường hợp giải quyết miễn trừ đầu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đầu nối vào cùng một vị trí đầu nối và một hố kiểm tra;

i) Kiểm soát việc xây dựng đúng quy cách đường ống nối từ nhà ra tới hố kiểm tra kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình;

k) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

l) Báo cáo định kỳ theo quy định tới chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước ở địa phương.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước

1. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình là hộ thoát nước có các quyền sau đây:

a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;

c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước;

d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của hợp đồng dịch vụ thoát nước;

đ) Kiến nghị, phản ánh, khiếu nại các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình là hộ thoát nước có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;

b) Xả nước thải vào hệ thống thoát nước đúng quy định, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo hợp đồng đã ký kết;

c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước, khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;

d) Đầu nối hệ thống thoát nước của công trình vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của thỏa thuận đầu nối;

đ) Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu và đơn vị thoát nước phải thực hiện ký kết hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định.

2. Hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước có các nội dung chính theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Thời hạn hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

a) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 05 (năm) năm và dài nhất là 10 (mười) năm;

b) Trường hợp muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng, trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng ít nhất là 01 (một) năm thì các bên tham gia hợp đồng phải tiến hành thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý, vận hành và đi đến ký kết kéo dài hợp đồng;

c) Hết thời hạn hợp đồng mà một trong hai bên không muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng thì chấm dứt hợp đồng theo quy định.

Điều 11. Quản lý hệ thống thoát nước mưa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước mưa, nội dung quản lý bao gồm:

1. Xây dựng quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nạo vét, duy tu, bảo dưỡng các tuyến cống, mương, hố ga, cửa thu nước mưa, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế.

3. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới, kịp thời đề xuất phương án thay thế, sửa chữa, phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực (nếu có) với chủ sở hữu.

Điều 12. Quản lý hệ thống hồ điều hòa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hồ điều hòa, nội dung bao gồm:

1. Kiểm soát các hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hồ điều hòa.

2. Kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng hồ điều hòa của các hộ thoát nước tuân thủ theo các quy định để đảm bảo chức năng điều hòa nước mưa và môi trường; duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, đảm bảo tốt nhiệm vụ điều hòa nước mưa và các yêu cầu khác.

3. Định kỳ nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ; xây dựng quy trình quản lý, khai thác, sử dụng hồ điều hòa.

Điều 13. Quản lý hệ thống thoát nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước thải, nội dung bao gồm:

a) Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hố ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới; kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước và các công trình trên mạng lưới; thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định;

c) Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

2. Trong trường hợp mạng lưới thoát nước chung thì việc quản lý hệ thống thoát nước được thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này và Điều 11 của Quy định này.

Điều 14. Điều kiện xả thải

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối và theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

Điều 15. Quy định về xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Nước thải các đô thị, khu công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tập trung.

2. Tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp chưa được kết nối hoặc điều kiện thực tế không cho phép kết nối với hệ thống thoát nước tập trung thì cho phép xử lý phi tập trung. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Điều 16. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm vệ sinh môi trường trước

khi tiến hành nạo vét, gửi chủ sở hữu để phối hợp quản lý.

2. Thực hiện các biện pháp cần thiết như: đặt tín hiệu, biển báo công trình để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

3. Chất thải nạo vét phải lưu chứa trong thùng kín, không được để rò rỉ ra ngoài và phải vận chuyển, tập kết đúng nơi quy định. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.

4. Vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dùng, không được để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường giao thông công cộng.

5. Nạo vét đến đâu, phải tiến hành đập nắp đan, chèn khít mạch hệ thống thoát nước đến đó. Không được để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

Điều 17. Quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước

1. Bùn thải được phân loại để quản lý và lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp, góp phần giảm chi phí vận chuyển, chi phí xử lý.

2. Phân loại bùn thải, lựa chọn công nghệ xử lý bùn thải, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định hiện hành của Nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải.

3. Khi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải phải đầu tư xây dựng công trình xử lý bùn thải; bùn thải khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

Điều 18. Các chính sách hỗ trợ về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước

Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức đối tác công tư (PPP); mở rộng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm; khuyến khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động thoát nước và xử lý nước thải. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài; có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư; tranh thủ tối đa các nguồn vốn viện trợ phi chính phủ, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương III

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 19. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Các hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) phải thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với các đơn vị thoát nước trước khi đấu nối và xả nước thải vào hệ thống thoát nước đô thị theo quy định.

2. Hợp đồng giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước bao gồm nội dung chính theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD và các quy định về hợp đồng khác có liên quan.

Điều 20. Đầu nối hệ thống thoát nước

1. Tất cả các hệ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng bắt buộc phải đầu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đầu nối. Các trường hợp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống thoát nước gồm:

a) Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung;

b) Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đầu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hệ thoát nước.

2. Việc đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước theo Quy định tại Chương IV Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 21. Hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước

1. Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo có Giấy chứng nhận hộ nghèo.

2. Phương thức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí lắp đặt từ hố kiểm tra đến vị trí đường ống thoát nước trong phạm vi phần đất của hộ gia đình;

b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương, từ các dự án đầu tư hoặc từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, chủ sở hữu quyết định mức hỗ trợ đầu nối cho các đối tượng cụ thể.

Điều 22. Làm sạch và hút hầm cầu

1. Các hệ thoát nước trong quá trình sử dụng bề tự hoại tùy theo các thông số thiết kế của bể, định kỳ phải làm sạch và hút cặn bể bằng kinh phí của hộ thoát nước.

2. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn bề tự hoại phải sử dụng các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đơn vị thoát nước tham gia về kỹ thuật, giám sát việc thực hiện và điều phối các hoạt động có liên quan nếu được yêu cầu.

Điều 23. Tiếp cận với các công trình xả nước thải

1. Hộ thoát nước phải tạo điều kiện cho đơn vị thoát nước tiếp cận để kiểm tra các công trình xả nước thải bên trong nhà, khuôn viên và cung cấp các số liệu kỹ thuật khi có yêu cầu.

2. Đơn vị thoát nước theo định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu nước thải trong hồ kiểm tra của hệ thoát nước; kết quả xét nghiệm mẫu nước thải được sử dụng làm cơ sở để lập và tính giá dịch vụ thoát nước.

Điều 24. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước

1. Đơn vị quản lý vận hành thoát nước phải xây dựng “Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước” đồng thời công bố với hệ thoát nước làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện dịch vụ. “Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước” là một tài liệu không tách rời của hợp đồng quản lý vận hành, hợp đồng dịch vụ thoát nước.

2. Nội dung của “Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước” phải được thẩm định và phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 25. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với các hệ thoát nước là hộ gia đình

Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường hợp được quy định cụ thể trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước.

2. Đối với các hệ thoát nước khác

a) Khi hệ thoát nước vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hệ thoát nước khắc phục. Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo mà hệ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần thứ hai, nếu sau 15 (mười lăm) ngày tiếp theo mà hệ thoát nước vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước theo thỏa thuận đã được quy định trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước;

b) Khi hệ thoát nước vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu hệ thoát nước phải khắc phục ngay. Nếu hệ thoát nước không chấp hành thì bị xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời đơn vị thoát nước được quyền ngừng dịch vụ thoát nước.

3. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hệ thoát nước đã khắc phục hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hệ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước, đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các hệ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5. Nếu điểm xả xảy ra sự cố thì đơn vị quản lý vận hành phải báo cáo chủ sở hữu và thực hiện khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất, chậm nhất là 15 ngày (kể từ khi sự cố xảy ra); đồng thời có biện pháp hạn chế tối đa thiệt hại môi trường xung quanh.

Điều 26. Giá dịch vụ thoát nước

1. Hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước theo quy định.

2. Hộ thoát nước xả nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giá dịch vụ thoát nước được lập và phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BXD và các quy định khác có liên quan. Lộ trình thu giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Riêng đối với khu công nghiệp thì giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp và quyết định về mức giá, trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng và Sở Tài chính.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh;

c) Phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện lồng ghép các nội dung liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải vào các đồ án quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng và các đồ án quy hoạch xây dựng.

d) Phối hợp Sở Tài chính lập danh mục đầu tư các dự án thoát nước, xử lý nước thải và thúc đẩy kêu gọi đầu tư các dự án thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

e) Thực hiện chức năng kiểm tra hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn, khu công nghiệp theo quy định;

g) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước, khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung.

h) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi chủ sở hữu hệ thống thoát nước lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh;

i) Tổng hợp, lập báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong khu kinh tế và các khu công nghiệp;

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu kinh tế và các khu công nghiệp xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải;

c) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong khu kinh tế và các khu công nghiệp;

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của Nhà nước phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải (bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hố kiểm tra đến mạng lưới thoát nước cấp 3, cấp 2 và cấp 1) và là chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước, xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối, xả thải cho hộ thoát nước; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước và lộ trình tăng giá theo quy định.

3. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải.

4. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước do mình quản lý, vận hành, gửi Sở Xây dựng thẩm định trình UBND tỉnh quyết định;

6. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

7. Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu theo phân cấp.

8. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 29. Trách nhiệm của đơn vị thoát nước

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hướng dẫn các hộ thoát nước xả thải ra vùng tiếp nhận thực hiện các điều khoản có liên quan trong Quy định này; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu để có biện pháp khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.